

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NĐ
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 112/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 24-03-2025

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con giữa
anh Trần Minh P và chị
Bùi Thị Tuyết T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NĐ - TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Tiến Dũng

Bà Nguyễn Thị Kim Chung

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Thu Hằng – Thư ký Toà án nhân dân thành phố NĐ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố NĐ tham gia phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố NĐ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2025/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2025 về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03-3-2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Minh P, sinh năm 1981; số căn cước công dân: 034081011574; nơi đăng ký thường trú: Số 62 đường MX, phường TT, thành phố NĐ, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Trận địa pháo 37 phố XT, phường TT, thành phố NĐ, tỉnh Nam Định; có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Chị Bùi Thị Tuyết T, sinh năm 1986; số căn cước công dân: 036186025367; nơi đăng ký thường trú: Số 62 đường MX, phường TT, thành phố NĐ, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Trận địa pháo 37 phố XT, phường TT, thành phố NĐ, tỉnh Nam Định; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 12-02-2025 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là anh Trần Minh P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Bùi Thị Tuyết T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân phường TT, thành phố NĐ vào ngày

13-8-2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách của hai vợ chồng không hoà hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không thống nhất được với nhau về cách nuôi dạy con; chị T không quan tâm, không có trách nhiệm với gia đình nhà chồng. Mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng từ khoảng năm 2019 đến nay. Tháng 4-2024, chị Bùi Thị Tuyết T có làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Thời điểm đó, anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ để tiếp tục chung sống và đã được Tòa án hòa giải nên chị T đã rút đơn yêu cầu giải quyết ly hôn. Sau khi chị T rút đơn khỏi kiện ly hôn, vợ chồng tiếp tục chung sống với nhau nhưng vẫn không hạnh phúc, vợ chồng vẫn thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không tin tưởng nhau, không tôn trọng nhau. Từ khoảng tháng 8-2024 đến nay, vợ chồng anh không ăn cơm chung. Từ giữa tháng 01-2025 đến nay, vợ chồng sống ly thân, mỗi người sống một nơi và không quan tâm đến nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn chị Bùi Thị Tuyết T.

Về con chung: Anh và chị Bùi Thị Tuyết T có 02 con chung là Trần Phương A (giới tính: Nữ), sinh ngày 07-8-2014 và Trần Minh A (giới tính: Nữ), sinh ngày 30-10-2019. Hiện nay hai con chung đang sống với chị Bùi Thị Tuyết T. Nếu ly hôn, anh đề nghị Tòa án giao hai con chung cho anh trực tiếp nuôi dưỡng. Nếu anh không được nuôi hai con thì đề nghị Tòa án giao cho vợ chồng mỗi người nuôi một con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh không yêu cầu chị Bùi Thị Tuyết T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại bản tự khai ngày 12-02-2025 và trong quá trình tham gia tố tụng, bị đơn là chị Bùi Thị Tuyết T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị nhất trí lời trình bày của anh Trần Minh P. Nay anh Trần Minh P yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn, chị đồng ý thuận tình ly hôn.

Về con chung: Chị và anh Trần Minh P có 02 con chung là Trần Phương A (giới tính: Nữ), sinh ngày 07-8-2014 và Trần Minh A (giới tính: Nữ), sinh ngày 30-10-2019. Nếu ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao hai con cho chị trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Tại Biên bản ghi ý kiến của con về người trực tiếp nuôi dưỡng ngày 11-02-2025, cháu Trần Phương A là con chung của anh Trần Minh P và chị Bùi Thị Tuyết T trình bày: Nếu bố mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng được ở với cả bố và mẹ.

4. Tại Biên bản thu thập chứng cứ ngày 14-02-2025, chính quyền địa phương nơi anh Trần Minh P và chị Bùi Thị Tuyết T cư trú cung cấp: Anh Trần Minh P và chị Bùi Thị Tuyết T có đăng ký thường trú tại: Số 62 đường MX, phường TT, thành phố ND, tỉnh Nam Định nhưng thực tế hiện đang sinh sống tại: Trại địa pháo 37, phố XT, phường TT, thành phố ND, tỉnh Nam Định. Anh Trần Minh P và chị Bùi Thị Tuyết T là vợ chồng, có đăng ký kết hôn ngày 13-8-2012 tại Ủy ban nhân dân phường TT, thành phố ND. Anh P và chị T có 02 con chung là Trần Phương A (giới tính: Nữ), sinh ngày 07-8-2014 và Trần Minh A (giới tính: Nữ), sinh ngày 30-10-2019. Quá trình chung sống, anh P và chị T có xảy ra mâu thuẫn cụ thể như thế nào thì chính quyền địa phương không biết chính xác, đề nghị Tòa án hỏi ý kiến, nguyện vọng của vợ chồng anh chị để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

5. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố ND, tỉnh Nam Định phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Tòa án: Tòa án đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự: Thụ lý đúng thẩm quyền; quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán và Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn là anh Trần Minh P và bị đơn là chị Bùi Thị Tuyết T đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Trần Minh P và chị Bùi Thị Tuyết T.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Giao cháu Trần Phương A (giới tính: Nữ), sinh ngày 07-8-2014 cho chị Bùi Thị Tuyết T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; giao cháu Trần Minh A (giới tính: Nữ), sinh ngày 30-10-2019 cho anh Trần Minh P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Trần Minh P và chị Bùi Thị Tuyết T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Quan hệ tranh chấp:*

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07-02-2025 và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là anh Trần Minh P yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn chị Bùi Thị Tuyết T và giải quyết việc nuôi con chung giữa anh và chị T, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng. Bị đơn là chị Bùi Thị Tuyết T không có yêu cầu phản tố. Do vậy quan hệ tranh chấp trong vụ án được xác định là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

[2] *Về nội dung tranh chấp trong vụ án:*

2.1. *Về quan hệ hôn nhân:*

Anh Trần Minh P và chị Bùi Thị Tuyết T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường TT, thành phố ND vào ngày 13-8-2012. Như vậy, hôn nhân giữa anh Trần Minh P và chị Bùi Thị Tuyết T là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, theo lời trình bày của anh Trần Minh P và chị Bùi Thị Tuyết T thì vợ chồng anh chị có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hòa hợp về tính cách, bất đồng quan điểm sống, không thống nhất được với nhau về cách nuôi dạy con cái. Cả anh Trần Minh P và chị Bùi Thị Tuyết T đều trình bày vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01-2025 đến nay, không quan tâm, không chăm sóc nhau. Tại phiên tòa, anh Trần Minh P và chị Bùi Thị Tuyết T thuận tình ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Trần Minh P và chị Bùi Thị Tuyết T.

2.2. *Về nuôi con:*

Anh Trần Minh P và chị Bùi Thị Tuyết T có 02 con chung là Trần Phương A (giới tính: Nữ), sinh ngày 07-8-2014 và Trần Minh A (giới tính: Nữ), sinh ngày 30-10-2019.

Tại phiên tòa: Anh Trần Minh P và chị Bùi Thị Tuyết T đều đề nghị Tòa án giao cho mình nuôi cả hai con. Xét cả anh Trần Minh P và chị Bùi Thị Tuyết T đều có điều kiện nuôi con nên Hội đồng xét xử sẽ giao cho anh P và chị T mỗi người nuôi một con là phù hợp với quy định tại Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Giao cho anh Trần Minh P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Trần Minh A (giới tính: Nữ), sinh ngày 30-10-2019; giao cho chị Bùi Thị Tuyết T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu là Trần Phương A (giới tính: Nữ), sinh ngày 07-8-2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Trần Minh P và chị Bùi Thị Tuyết T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2.3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng:

Anh Trần Minh P và chị Bùi Thị Tuyết T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] *Án phí ly hôn sơ thẩm:*

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV: Anh Trần Minh P là nguyên đơn nên phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí anh Trần Minh P đã nộp được khấu trừ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV;

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Trần Minh P và chị Bùi Thị Tuyết T.

2. Về nuôi con:

- Giao cho anh Trần Minh P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Trần Minh A (giới tính: Nữ), sinh ngày 30-10-2019.

- Giao cho chị Bùi Thị Tuyết T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Trần Phương A (giới tính: Nữ), sinh ngày 07-8-2014.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Trần Minh P và chị Bùi Thị Tuyết T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Bên không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người trực tiếp nuôi con chung.

5. Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Trần Minh P phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Số tiền này được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) anh Trần Minh P đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002580 ngày 07-02-2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố ND.

6. Anh Trần Minh P và chị Bùi Thị Tuyết T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự: Anh Trần Minh P và chị Bùi Thị Tuyết T có quyền thỏa thuận thi hành án,

quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Toà án nhân dân tỉnh Nam Định;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố ND;
- Chi cục Thi hành án thành phố ND;
- UBND phường TT, thành phố ND (GCNKH số 70, ngày 13-8-2012);
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Mai Anh